

Họ và tên:

Lớp: 4....

PHIẾU ÔN TẬP MÔN TOÁN

BÀI 14. YẾN, TẠ, TẤN

Phần I. Trắc nghiệm

Bài 1: Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng

a. 8 tạ 50 kg = kg

A. 850

B. 85

C. 8500

D. 8050

b. Con gà mái đẻ của nhà em cân nặng khoảng



A. 2 kg

B. 2 yến

C. 2 tạ

D. 2 g

c. 200 yến = tạ

A. 2

B. 20

C. 200

D. 200

g. Tính $38 \text{ yến} + 12 \text{ yến} = \text{..... kg}$

A. 5

B. 50

C. 500

D. 5000

h. So sánh: 2 tạ 45 kg 2 tạ 5 yến

A. >

B. <

C. =

D. Không so
sánh được

h. Một xe tải chở 124 thùng hàng, mỗi thùng nặng 50 kg. Hỏi xe chở tất cả bao nhiêu tạ hàng ?



A. 620 tạ

B. 62 tạ

C. 174 tạ

D. 62 000

Bài 2: Đúng ghi Đ, sai ghi S

a. 4 tạ 9 kg = 49 kg



b. 475 tạ - 75 tạ = 40 tấn



c. 7 tấn 5 tạ = 7050 kg



d. 300 yến = 3 tấn



e. 315 yến : 3 = 15 yến

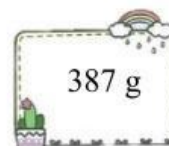


f. 2 yến 9 kg < 3 yến



II. Tự luận

Bài 1: Nối mỗi vật với số đo khối lượng thích hợp



Bài 2 : Số?

$$2 \text{ yến} = \dots\dots \text{ kg}$$

$$8 \text{ yến } 7 \text{ kg} = \dots\dots \text{ kg}$$

$$500 \text{ kg} = \dots\dots \text{ yến}$$

$$100 \text{ kg} = \dots\dots \text{ tạ}$$

$$120 \text{ kg} = \dots\dots \text{ yến}$$

$$9 \text{ tấn } 5 \text{ kg} = \dots\dots \text{ kg}$$

$$9 \text{ tấn } 5 \text{ kg} = \dots\dots \text{ kg}$$

$$16 \text{ tạ } 3 \text{ yến} = \dots\dots \text{ kg}$$

$$6000 \text{ kg} = \dots\dots \text{ tạ}$$

$$26 \text{ tấn} = \dots\dots \text{ tạ}$$

$$4 \text{ tấn } 8 \text{ tạ} = \dots\dots \text{ tạ}$$

$$400 \text{ yến} = \dots\dots \text{ tấn}$$

Bài 3: Tính

$$617 \text{ tạ} - 97 \text{ tạ} \\ = \dots\dots\dots$$

$$512 \text{ tấn} : 8 \\ = \dots\dots\dots$$

$$92 \text{ tạ} + 56 \text{ yến} \\ = \dots\dots\dots$$

$$125 \text{ kg} \times 8 \\ = \dots\dots\dots$$

Bài 4: Một đội có 5 xe chở hàng, 2 xe đầu, mỗi xe chở được 7 tạ 50 kg hàng; 3 xe sau, mỗi xe chở được 6 tạ hàng. Hỏi cả đội chở được bao nhiêu tạ hàng ?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....